

Hướng dẫn cuộc sống tại Hirakata

dành cho người nước ngoài

Bản Tiếng Việt

<Mục lục>

Trang 1	1. Vụ án/Tai nạn/ Hỏa hoạn/Cấp cứu	Trang 16	7. Nuôi dạy trẻ
Trang 3	2. Các loại thủ tục	Trang 19	8. Giáo dục
Trang 8	3. Cuộc sống	Trang 22	9. Y tế và Phúc lợi
Trang 10	4. Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm chăm sóc	Trang 25	10. Lớp học tiếng Nhật
Trang 12	5. Lương hưu	Trang 27	11. Thông tin dành cho người nước ngoài
Trang 14	6. Tiền thuế	Phụ lục	Cách phân loại và vứt rác thải Bản đồ khu vực Ủy ban nhân dân thành phố Hirakata

Vui lòng xem bản đồ khu vực Ủy ban nhân dân ở mặt sau của cuốn sách hướng dẫn này để biết vị trí của từng cơ sở.
Địa chỉ của các cơ sở không được liệt kê trên bản đồ khu vực Ủy ban nhân dân được liệt kê trên mỗi trang.

Sách hướng dẫn này chứa thông tin tính đến tháng 10 năm 2024.
Nội dung có thể thay đổi trong tương lai.

Ủy ban nhân dân thành phố Hirakata

Mã bưu điện: 573-8666
2-1-20 Ogaito-cho, Thành phố Hirakata

Giờ mở cửa Ngày thường Sáng 9:00 ~ Chiều 5:30
(Nghỉ trưa từ 12:00 ~ 12:45)
Các phòng ban có quầy tiếp tân cũng làm việc cả trong giờ nghỉ trưa.

Đóng cửa vào Thứ bảy, Chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ năm mới
(29 tháng 12 đến 3 tháng 1), ngoại trừ các nghiệp vụ đặc biệt.
Trong trường hợp khẩn cấp hãy liên hệ TEL: 072-841-1221 (Đại diện).

1. Vụ án/Tai nạn/Hỏa hoạn/Cấp cứu

1. Địa chỉ liên lạc khẩn cấp

Cảnh sát	Tội phạm (Trộm cắp, bạo lực, v.v) Tai nạn giao thông	TEL: 110	Khi gọi đến số 110 bạn sẽ được hỏi “Đây là vụ án? Hay đây là tai nạn”. Hãy bình tĩnh và nói rõ có chuyện gì xảy ra khi nào và nơi bạn đang ở.
Xe cấp cứu	Bị bệnh/thương tích đột ngột	TEL: 119	Khi bị bệnh hoặc bị thương hay hỏa hoạn hãy gọi 119. Xe cấp cứu không tốn tiền nhưng trong trường hợp bị bệnh hay vết thương nhẹ có thể tự mình đi đến bệnh viện thì không thể sử dụng. Điều trị tại bệnh viện sẽ mất phí.
Xe cứu hỏa	Hỏa hoạn		

◇Hãy bình tĩnh và nói cho chúng tôi biết nơi bạn đang ở.

◇Từ điện thoại công cộng có thể gọi miễn phí

Bấm vào nút màu đỏ gắn trên điện thoại để gọi điện.

<Địa chỉ liên lạc khẩn cấp khác>

Ủy ban nhân dân thành phố Hirakata	TEL: 072-841-1221(Đại diện)
Cục cấp thoát nước thành phố Hirakata	TEL: 072-848-4199(Đại diện)
Số liên lạc chuyên dụng khi bị rò rỉ gas	TEL: 0120-5-19424
Số liên lạc khi có sự cố về điện	TEL: 0800-777-3081

<Tìm bệnh viện có thể sử dụng tiếng nước ngoài>

Mạng thông tin y tế (Navi)	Bạn có thể tìm kiếm các bệnh viện và phòng khám cung cấp dịch vụ khám bệnh bằng tiếng nước ngoài theo ngôn ngữ. (Tìm kiếm bằng tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc) URL: https://www.iryuu.teikyouseido.mhlw.go.jp/znk-web/juminkanja/S2310/initialize?pref=27	
---------------------------------------	---	---

2. Thảm họa

Nhật Bản là quốc gia hứng chịu nhiều trận động đất. Ngoài ra, bão thường đổ bộ từ tháng 6 đến tháng 10, có thể gây ra thiên tai do mưa lớn và gió mạnh. Hãy chuẩn bị cho thảm họa từ trong cuộc sống hàng ngày.

< Hướng dẫn phòng chống thiên tai >

- ◇ Trên đó có viết bạn cần phải làm gì và chuẩn bị gì khi thảm họa xảy ra.
- ◇ Bạn có thể xem trên trang web của thành phố Hirakata.

Nơi phát	Tầng 3 Tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân Phòng xúc tiến các biện pháp quản lý khủng hoảng
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc/Tiếng Triều Tiên, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Việt Nam
URL	https://www.city.hirakata.osaka.jp/0000017941.html



< Ứng dụng phòng chống thiên tai ở Osaka >

- ◇ Bạn có thể tìm thấy thông tin về thảm họa như động đất và mưa lớn.
- ◇ Nếu bạn chọn thành phố Hirakata từ mục "Lựa chọn thành phố", bạn sẽ nhận được thông báo về lệnh sơ tán và cảnh báo của thành phố Hirakata.

Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Nhật
URL	https://cdn.osaka.dmacs.jp/static/html/store/index.html



Phòng xúc tiến các biện pháp quản lý khủng hoảng
Tầng 3 Tòa nhà phụ TEL: 072-841-1270
Ủy ban nhân dân

2. Các loại thủ tục

Bảng① Các cơ sở thành phố

Nơi báo cáo	Địa chỉ	TEL
Ban Nhân Dân tầng 1 tòa nhà chính Ủy Ban Nhân Dân	Oogaito-cho 2-1-20	072-841-1309
Chi nhánh Tsuda	Tsuda Kitamachi 2-25-1	072-858-1502
Chi nhánh Korigaoka	Korigaoka 3-13	072-854-0401
Chi nhánh Hokubu	Kuzuha Namiki 2-29-3	072-851-0330
Trung tâm quầy tiếp dân ga Hirakatashi	Okahigashi-cho 19-1 Tầng 5 Hirakata station hill	072-841-1105

Bảng② Trung tâm thông tin tổng hợp người nước ngoài

TEL	0570-013904 (IP Điện thoại/từ nước ngoài : 03-5796-7112) Có thể gọi điện được ở bất cứ đâu tại Nhật Bản.
Thời gian nhận điện thoại	Thứ 2~Thứ 6 Sáng 8:30~Chiều 5:15
Ngôn ngữ đối ứng qua điện thoại	Tiếng Nhật, Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Việt Nam, Tiếng Tagalog (Philippines), Tiếng Nepal, Tiếng Indonesia, Tiếng Thái Lan, Tiếng Campuchia, Tiếng Myanmar, Tiếng Mông Cổ, Tiếng Pháp, Tiếng Sinhala, Tiếng Urdu
E-mail	info-tokyo@i.moj.go.jp
E-mail Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Nhật, Tiếng Anh
URL	https://www.moj.go.jp/isa/support/consultation/japanese.html Bạn có thể nhận tư vấn qua điện thoại hoặc email về thủ tục nhập cảnh (=những việc bạn cần làm khi đến Nhật Bản) và thủ tục cư trú (= những việc bạn cần làm để ở lại Nhật Bản).



Bảng③ Cục quản lý lưu trú và xuất nhập cảnh Osaka

Địa chỉ	Thành phố Osaka, quận suminoe, nankokita1-29-53 Xuống tại ga Osaka Metro “ Cosmo Square”, ngay cạnh lối ra số 3
TEL	0570-064259 (IP Điện thoại/từ nước ngoài:06-4703-2050)
Thời gian tiếp tân	Thứ 2~Thứ 6 Sáng 9:00~Chiều 4:00 (Không làm việc vào thứ 7, chủ nhật và ngày lễ)
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Nhật, Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Việt Nam, Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha
URL	https://www.moj.go.jp/isa/about/region/osaka/plain_japanese.html



1. Kết hôn

< Kết hôn với người Nhật >

Nếu bạn muốn kết hôn với người Nhật tại Nhật Bản, bạn sẽ phải báo cáo với **Các cơ sở thành phố như trong Bảng ①**.

< Kết hôn với người mang quốc tịch nước ngoài >

Dựa vào một số điều kiện nhất định của pháp luật Nhật Bản, hai người nước ngoài có thể kết hôn tại Nhật.

Tuy nhiên, cuộc hôn nhân có thể không được coi là hợp lệ ở quốc gia của người đăng ký.

Có thể làm thủ tục tại Đại sứ quán hay lãnh sự quán của nước mình, hoặc **Các cơ sở thành phố như trong Bảng ①**.

< Thay đổi tư cách cư trú >

Trong trường hợp kết hôn với người Nhật bạn cần phải thay đổi tư cách cư trú.

Vui lòng xác nhận tại **Trung tâm thông tin tổng hợp người nước ngoài Bảng ②**.

2. Ly hôn

◇ Khi cả hai vợ chồng đều là người nước ngoài, việc ly hôn sẽ theo luật pháp nước của mình do đó bạn vui lòng liên hệ với Đại sứ quán hoặc Tổng lãnh sự quán của nước mình tại Nhật Bản để hỏi thêm chi tiết.

◇ Nếu một trong hai vợ chồng là công dân Nhật Bản đang sinh sống tại Nhật Bản thì việc ly hôn phải được giải quyết bằng thương lượng hoặc xét xử/ly hôn tại tòa án theo pháp luật Nhật Bản. Có thể làm thủ tục ở **Các cơ sở thành phố như trong Bảng ①**.

< Ly hôn và tư cách lưu trú >

◇ Nếu bạn đang ở Nhật Bản với tư cách là vợ/chồng của công dân Nhật Bản hoặc nếu bạn kết hôn với người nước ngoài và ở với tư cách là người phụ thuộc, bạn có thể mất tư cách lưu trú nếu ly hôn.

◇ Bạn có thể cần phải thay đổi tư cách cư trú của mình, vì vậy vui lòng liên hệ với **Trung tâm thông tin tổng hợp người nước ngoài Bảng ②**.

◇ Người có tư cách cư trú dài hạn “Visa gia đình” “Hoạt động đặc định” “có vợ hoặc chồng là người Nhật” hoặc “có vợ hoặc chồng là người vĩnh trú” trong vòng 14 ngày vui lòng nộp đơn thông báo đến **Cục quản lý xuất nhập cảnh Osaka Bảng ③**.

3. Mang thai/Sinh con

< Khi mang thai >

- ◇ Nếu phát hiện mình có thai, hãy làm thủ tục tại Trung tâm trẻ em tròn đầy.
- ◇ Bạn sẽ được cấp sổ Sức khỏe mẹ con. Cuốn sổ này rất quan trọng sẽ ghi lại quá trình từ lúc mang thai cho đến khi sinh con và lịch tiêm chủng sau khi sinh.
- ◇ Có sổ Sức khỏe mẹ con bản tiếng nước ngoài.
(Ngôn ngữ đối ứng: Tiếng Anh, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Thái Lan, Tiếng Tagalog, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Indonesia, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Việt Nam, Tiếng Nepal)

Trung tâm trẻ em tròn đầy
Tầng 6 Hirakata TEL: 072-840-7221
station hill

< Chi phí sinh con >

- ◇ Từ bảo hiểm sức khỏe như Hiệp hội bảo hiểm sức khỏe hay Bảo hiểm sức khỏe quốc dân mà bạn tham gia sẽ chi trả một lần trực tiếp cho bệnh viện nơi bạn sinh con với giới hạn là không quá 500.000 yên.
- ◇ Ở Nhật Bản khi sinh con thường phải nhập viện trong khoảng từ 5 đến 6 ngày. Chi phí nhập viện tùy theo từng bệnh viện khác nhau vào khoảng trên dưới 500.000 yên. Do đó vui lòng chi trả cho bệnh viện số tiền còn thiếu sau khi sinh con.
- ◇ Để biết thêm chi tiết vui lòng liên lạc với bảo hiểm sức khỏe mà bạn tham gia hoặc bệnh viện mà bạn có dự định sinh con ở đó.

Ban bảo hiểm hưu trí
Tầng 2 tòa nhà phụ TEL: 072-841-1403
Ủy ban nhân dân

< Đăng ký khai sinh cho con >

- ◇ Sau khi sinh con thì trong vòng 14 ngày sau sinh bạn phải nộp đơn đăng ký khai sinh cho con tại **Các cơ sở thành phố như trong Bảng ①**.
- ◇ Bạn cũng có thể cần phải đăng ký khai sinh tại đất nước của bạn. Vui lòng liên hệ với đại sứ quán hoặc lãnh sự quán nước bạn tại Nhật Bản.

4. Khai tử

- ◇Người nước ngoài khi tử vong tại Nhật Bản đều cần phải khai báo cho thành phố, quận, huyện, xã đang ở.
- ◇Sau khi xác nhận tử vong phải khai tử trong vòng 7 ngày sau khi mất.
- ◇Có thể làm thủ tục tại **Các cơ sở thành phố như trong Bảng ①**.
- ◇Người phối ngẫu của người có tư cách cư trú dài hạn bị tử vong như “Visa gia đình” “Hoạt động đặc định” “có vợ hoặc chồng là người Nhật” hoặc “có vợ hoặc chồng là người vĩnh trú” trong vòng 14 ngày vui lòng nộp đơn thông báo đến **Cục quản lý xuất nhập cảnh Osaka Bảng ③**.

5. Chuyển nhà

- ◇Đối với những người có tư cách cư trú dài hạn, khi thay đổi nơi ở cần phải khai báo đến **Các cơ sở thành phố như trong Bảng ①**.

	Tên loại khai báo	Thời hạn khai báo
Khi chuyển đến sống tại thành phố Hirakata	Khai báo chuyển đến	Sau khi chuyển nhà trong vòng 14 ngày
Khi thay đổi nơi ở trong thành phố Hirakata	Khai báo thay đổi chỗ ở	Sau khi chuyển nhà trong vòng 14 ngày
Khi chuyển đi thành phố hoặc nước khác	Khai báo chuyển đi	Trước hoặc sau khi chuyển nhà

6. Mã số cá nhân My number

- ◇My Number (Mã số cá nhân) là số gồm 12 chữ số được cấp cho mỗi công dân và được sử dụng cho các lĩnh vực như mục đích an sinh xã hội, thuế và phòng chống thiên tai.
- ◇Những người đã nhập cảnh vào Nhật Bản sẽ nhận được thông báo về Mã số cá nhân (My Number) của họ sau khi hoàn thành khai báo chuyển đến.
- ◇Những người muốn có thể có thể nhận được Thẻ My Number. Thẻ My Number có thể được sử dụng làm giấy tờ tùy thân có ảnh và cũng có thể nhận được các loại giấy chứng nhận như Giấy đăng ký cư trú tại cửa hàng tiện lợi.

Ban nhân dân

Tầng 1 Toàn nhà chính TEL: 072-841-1309

Ủy ban nhân dân

7. Phát hành các loại giấy chứng nhận

Các loại	Công dụng/Giải thích
Bản sao giấy đăng ký cư trú	Chứng nhận rằng bạn sống ở đây. Được sử dụng để thay đổi hoặc gia hạn tư cách lưu trú của bạn.
Giấy chứng nhận đăng ký con dấu	Chứng nhận rằng con dấu đã được đăng ký ở Ủy ban nhân dân.
Giấy chứng nhận hộ khẩu	Chứng nhận rằng đã đăng ký hộ khẩu gia đình tại Ủy ban nhân dân.
Giấy chứng nhận thu nhập/thuế	Chứng minh thu nhập hàng năm và số tiền thuế cư trú của bạn.
Giấy chứng nhận nộp thuế	Chứng nhận rằng bạn đã nộp thuế cư trú. Được sử dụng để gia hạn visa, v.v.

- ◇Cấp tại **Các cơ sở thành phố như trong Bảng ①**.
- ◇Trung tâm quầy tiếp dân ga Hirakatashi cấp nhiều loại giấy chứng nhận khác nhau (không bao gồm giấy chứng nhận thuế thành phố) vào cả Thứ 7, Chủ Nhật và ngày lễ.
- ◇Cấp qua cả đường gửi Bưu điện.

<Hãy giúp chúng tôi xác nhận danh tính của bạn>

- ◇Cần phải xác minh danh tính khi khai báo hoặc yêu cầu giấy chứng nhận tại Ban nhân dân, từng văn phòng chi nhánh và Trung tâm quầy tiếp dân ga Hirakatashi.
- ◇Vui lòng xuất trình cho chúng tôi giấy tờ chính thức có ảnh (như thẻ cư trú, thẻ vĩnh trú đặc biệt, bằng lái xe, hộ chiếu, thẻ My Number, v.v.)

Bộ phận cấp phát chứng nhận Ban Nhân dân
Tầng 1 Toàn nhà chính TEL:072-841-1306
Ủy ban nhân dân

3. Cuộc sống

1. Nước sinh hoạt/Nước thải

- ◇ Khi bắt đầu sử dụng hoặc khi ngưng sử dụng nước sinh hoạt vui lòng gọi điện thoại đến Trung Tâm khách hàng Cục cấp thoát nước.
- ◇ Tiếp nhận qua cả internet và FAX.
- ◇ Thanh toán được thực hiện hai tháng một lần. Nếu bạn có phiếu thanh toán (mẫu nộp tiền) ở nhà, vui lòng thanh toán trước thời hạn tại ngân hàng hoặc cửa hàng tiện lợi.

① Trung Tâm khách hàng Cục cấp thoát nước

URL	https://www.city.hirakata.osaka.jp/0000034347.html
-----	---



② Đăng ký qua Internet

URL	https://www.jenets.jp/cs/index.cgi?area=28
-----	---



③ Đăng ký qua FAX

FAX	072-898-7760
-----	--------------

※ Mẫu đơn đăng ký có thể được tải xuống từ URL của ① Trung Tâm khách hàng Cục cấp thoát nước

※ Vui lòng gửi trước ít nhất 3 ngày làm việc trước khi bạn dự định sử dụng nguồn nước.

Trung Tâm khách hàng Cục cấp thoát nước
Tầng 1 Tòa nhà chính TEL:072-848-5518
Ủy ban nhân dân

2. Điện/Ga

- ◇ Khi bắt đầu sử dụng hoặc khi ngưng sử dụng điện hay gas vui lòng gọi điện thoại đến Công ty Điện lực hay Công ty Gas.
- ◇ Trong trường hợp căn hộ hoặc chung cư cho thuê, công ty điện/ga có thể đã được quyết định từ trước nên hãy hỏi chủ nhà hoặc người quản lý.
- ◇ Thanh toán được thực hiện mỗi tháng một lần. Khi nhận được phiếu thanh toán (mẫu nộp tiền) tại nhà, vui lòng thanh toán đúng hạn tại ngân hàng hoặc cửa hàng tiện lợi.

3. Thu gom rác thải

- ◇ Có nơi quy định để vứt rác. Hãy hỏi hàng xóm của bạn.
- ◇ Có quy định về thời điểm và loại rác vứt đi. Rác sẽ không được thu gom nếu không tuân thủ các quy tắc. Vui lòng xem "Cách phân loại và vứt rác thải sinh hoạt" được đưa lên ở phần sau của cuốn sách hướng dẫn này.
- ◇ Không được mang rác mà người khác đã vứt đi về nhà. Đây là việc làm sai quy định.

< Cách phân loại và vứt rác thải sinh hoạt >

- ◇ Có phiên bản đa ngôn ngữ. Bạn cũng có thể xem trên trang chủ của Thành phố Hirakata.

Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc/Tiếng Triều Tiên, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Việt Nam	
URL	https://www.city.hirakata.osaka.jp/0000010744.html	

Ban dự án môi trường

Taguchi 5-1-1

TEL: 072-849-7969

4. Bãi đỗ xe (Xe đạp/Xe gắn máy)

- ◇ Không được đậu xe đạp và xe gắn máy trên đường gần bất kỳ nhà ga nào trong Thành phố Hirakata.
- ◇ Khi đi xe đạp hoặc xe máy gần nhà ga, vui lòng đỗ xe ở bãi đỗ xe đạp.
- ◇ Xe đạp và xe gắn máy để lại trên đường gần nhà ga sẽ được chuyển ngay đến Khu vực chứa xe đạp Nishi-Makino.
Nó sẽ được lưu trữ trong 30 ngày kể từ ngày được chuyển giao.
Khi muốn trả lại xe, cần phải trả phí vận chuyển/lưu kho (2.000 yên cho xe đạp, 3.000 yên cho xe máy).
- ◇ Vui lòng mang theo chìa khóa xe đạp hoặc xe máy cũng như giấy tờ chứng minh về địa chỉ và tên của bạn (như thẻ sinh viên, bằng lái xe, thẻ bảo hiểm y tế, thẻ cư trú, v.v.).
- ◇ Xe đạp và xe gắn máy không có người nhận sẽ bị tiêu hủy.

Nơi gửi xe đạp Nishimakino

Nishimakino2-2-2

TEL: 072-809-2295

Ban đổi sách giao thông

Tòa nhà thứ 2 của

TEL: 050-7102-6530

Tòa nhà Chính

5. Bãi đỗ xe (Xe Ô tô)

- ◇ Không được đỗ xe trên đường gần Ga Hirakatashi.
- ◇ Nếu bạn đang lái xe gần Ga Hirakatashi, bạn có thể đỗ xe tại bãi đậu xe Okahigashi-cho của thành phố (có tính phí).

Bãi đậu xe ô tô Okahigashi-cho của thành phố

TEL: 072-843-1255

4. Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm chăm sóc

1. Bảo hiểm y tế

- ◇ Ở Nhật Bản, chúng tôi thu tiền từ mọi người khi bạn đến bệnh viện vì bệnh tật hoặc thương tích.
- ◇ Người nước ngoài sống ở Nhật trên 3 tháng phải mua bảo hiểm y tế.
- ◇ Có bảo hiểm y tế sẽ giảm số tiền bạn phải trả tại bệnh viện trong trường hợp bị bệnh hoặc bị thương.

Loại bảo hiểm	Người tham gia	Địa chỉ liên hệ
Bảo hiểm sức khỏe (Bảo hiểm xã hội)	Người đang làm việc tại công ty	Công ty đang làm việc
Bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Người dưới 74 tuổi	Ban bảo hiểm hưu trí Tầng 2 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân TEL: 072-841-1403
Bảo hiểm chăm sóc y tế người cao tuổi giai đoạn sau	① Người trên 75 tuổi ② Những người trong độ tuổi từ 65 đến 74 được Liên đoàn khu vực công nhận là có mức độ khuyết tật nhất định khi nộp đơn.	

<Những người không cần phải đăng ký Bảo hiểm sức khỏe quốc dân>

- ◇ Người có bảo hiểm y tế tại nơi làm việc và người phụ thuộc của họ
- ◇ Người đang tham gia chế độ y tế người cao tuổi giai đoạn sau
- ◇ Người đang nhận phúc lợi sinh hoạt

2. Bảo hiểm chăm sóc

- ◇ Bảo hiểm chăm sóc là chế độ hỗ trợ những người cần được chăm sóc điều dưỡng (giúp đỡ những người gặp khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày như ăn uống, tắm rửa do tuổi già hoặc bệnh tật đặc biệt).
- ◇ Những người đã trả tiền bảo hiểm chăm sóc có thể sử dụng dịch vụ chăm sóc nếu được chứng nhận trước.
- ◇ Số tiền bạn phải trả được xác định bằng mức lương của bạn từ năm trước.

<Người tham gia bảo hiểm chăm sóc>

1. Người trên 65 tuổi sống ở Nhật bản dài hơn 3 tháng.
2. Những người trong độ tuổi từ 40 đến 64 tuổi sống ở Nhật Bản dài hơn 3 tháng và có tham gia Bảo hiểm sức khỏe

Ban bảo hiểm hưu trí
Tầng 2 tòa nhà phụ TEL:072-841-1403
Ủy ban nhân dân

5. Lương hưu

- ◇Lương hưu là một hệ thống giúp đỡ người già, những người bị khuyết tật về thể chất do bệnh tật hoặc thương tích và gia đình của những người đã qua đời.
- ◇Tất cả những người trong độ tuổi từ 20 đến 59 sống ở Nhật Bản phải đăng ký vào Hệ thống Hưu trí Quốc gia. Tuy nhiên, những người từ các quốc gia có thỏa thuận an sinh xã hội với Nhật Bản có thể không bắt buộc phải tham gia.
- ◇Những người làm việc tại các công ty, v.v. đều tham gia lương hưu phúc lợi. Phí bảo hiểm hưu trí quốc gia được bao gồm trong phí bảo hiểm lương hưu phúc lợi.
- ◇Người đã nộp lương hưu có thể nhận lương hưu trong tương lai nếu đáp ứng đủ yêu cầu.

1. Quỹ lương hưu cơ bản

- ◇Phí bảo hiểm hưu trí quốc gia được thanh toán bằng phiếu thanh toán (giấy để trả tiền) nhận được từ Dịch vụ Hưu trí Nhật Bản.
- ◇Hệ thống chiết khấu trả trước và chuyển khoản ngân hàng cũng có sẵn.
- ◇Nếu bạn gặp khó khăn trong việc thanh toán phí bảo hiểm, bạn có thể nộp đơn xin miễn phí bảo hiểm.

Phân loại	Đối tượng	Số tiền miễn giảm
Hệ thống đóng tiền đặc biệt của sinh viên	Học sinh	Toàn bộ số tiền bảo hiểm trong thời gian được phê duyệt
Chế độ xin miễn giảm	Ngoài học sinh	Một phần hoặc toàn bộ số tiền bảo hiểm

- ◇Ngoài ra còn có những miễn trừ khác như miễn trừ trước và sau khi sinh con.

Ban bảo hiểm hưu trí

Tầng 2 nhà phụ TEL:072-841-1407

Ủy ban nhân dân

2. Việc thanh toán tiền một lần khi ngừng tham gia bảo hiểm trợ cấp quốc dân, quỹ lương hưu cơ bản

◇Những người quyết định trở về nước trước khi nhận lương hưu có thể nhận được khoản thanh toán rút tiền một lần.

◇Những người đáp ứng đủ các điều kiện từ ① đến ⑥ sau đây sẽ được nhận:

- ①Người không có quốc tịch Nhật Bản
- ②Đã đóng phí bảo hiểm hưu trí quốc dân hoặc bảo hiểm lương hưu phúc lợi trên 6 tháng
- ③Đã đóng phí bảo hiểm dưới 9 năm 11 tháng
- ④Đã hoàn tất thủ tục hủy bỏ lương hưu quốc dân hoặc lương hưu phúc lợi
- ⑤Trong vòng 2 năm kể từ khi bạn không còn địa chỉ ở Nhật Bản
- ⑥Chưa từng nhận trợ cấp cơ bản hoặc trợ cấp phúc lợi khuyết tật.

< Cách yêu cầu thanh toán rút tiền một lần >

Trước khi rời khỏi nước Nhật	Sau khi rời khỏi nước Nhật
Nhận “Mẫu yêu cầu phân định thanh toán rút tiền một lần” tại Văn phòng hưu trí Hirakata	Điền thông tin và gửi cùng với các tài liệu cần thiết đến Dịch vụ Hưu trí Nhật Bản bằng đường hàng không.

Văn phòng lương hưu Hirakata

TEL:072-846-5011

6. Tiền thuế

- ◇Người dân sống ở Nhật Bản phải nộp thuế ngay cả khi họ là công dân nước ngoài.
- ◇Khi bạn nhận được phiếu thanh toán (mẫu giấy để nộp thuế), vui lòng thanh toán đúng hạn tại ngân hàng, cửa hàng tiện lợi, tòa thị chính, hay qua ứng dụng điện thoại thông minh.

1. Thuế thu nhập

- ◇Số tiền phải trả được xác định căn cứ vào mức lương nhận được trong năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.
- ◇Bạn trả thuế từ tiền lương của bạn từ công ty (thuế khấu trừ).
- ◇Những người sau đây phải tự nộp giấy tờ và nộp thuế (khai thuế cuối cùng).
 - ①Người sở hữu công ty riêng của họ hoặc cửa hàng
 - ②Người có thu nhập khác ngoài tiền lương
 - ③Người nhận lương từ 2 công ty trở lên
 - ④Người nghỉ làm việc giữa năm
 - ⑤Người không làm điều chỉnh thuế cuối năm tại nơi làm việc
- ◇Bạn cũng sẽ cần phải khai thuế khi trở về nước.
- ◇Những người từ các quốc gia có “Hiệp định thuế” với Nhật Bản có thể phải trả ít thuế hơn.

Chi cục thuế Hirakata

TEL: 072-844-9521

2. Thuế cư trú

- ◇Thanh toán cho thành phố nơi bạn sống kể từ ngày 1 tháng 1.
- ◇Số tiền phải trả được xác định căn cứ vào mức lương nhận được trong năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.
- ◇Trả thông qua tiền lương nhận được từ công ty.
- ◇Người không có lương sẽ phải tự trả.
- ◇Khi về nước, bạn có thể thanh toán toàn bộ số tiền tại công ty hoặc chọn người thay mặt thanh toán và thông báo cho tòa thị chính.

Phòng thuế cư dân

Tầng 2 tòa nhà chính TEL: 072-841-1353

Ủy ban nhân dân

3. Các loại thuế khác

Tên gọi	Nội dung	Địa chỉ liên hệ
Thuế Ô tô	◇Người sở hữu xe sẽ thanh toán vào ngày 1 tháng 4 hàng năm. ◇Bạn sẽ nhận được thông báo nộp thuế từ phủ Osaka.	Phòng thuế Phủ Kitakawachi TEL:072-844-1331
Thuế xe kích thước nhỏ	◇Người sở hữu xe đạp cơ giới hoặc xe hạng nhẹ sẽ thanh toán vào ngày 1 tháng 4 hàng năm. ◇Bạn sẽ nhận được thông báo nộp thuế từ Thành phố Hirakata vào tháng 5.	Phòng thuế cư dân Tầng 2 tòa nhà chính Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1352
Thuế tài sản cố định	◇Việc thanh toán được thực hiện vào ngày 1 tháng 1 hàng năm đối với người sở hữu đất đai, nhà ở và tài sản khấu hao. ◇Bạn sẽ nhận được thông báo nộp thuế từ Thành phố Hirakata vào tháng 5.	Phòng thuế tài sản Tầng 2 tòa nhà chính Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1361

<Trường hợp khi không thể nộp thuế đúng hạn>

- ◇Nếu đến hạn mà không thể nộp được thì hãy liên hệ với Bộ phận thanh toán thuế Cục Thuế.
- ◇Nếu không thanh toán đúng hạn, bạn sẽ nhận được Giấy hối thúc (thư thông báo rằng bạn phải nộp thuế ngay lập tức).
- ◇Nếu không thanh toán đúng thời hạn, bạn có thể bị tính phí trả chậm (tiền trả chậm).
- ◇Nếu bạn không liên hệ xin tư vấn về thuế và không thanh toán đúng thời hạn, tài sản của bạn (tiền lương, tiền tiết kiệm, nhà, xe, v.v.) có thể bị tịch thu (bạn sẽ không thể tự do sử dụng tài sản của mình).

Bộ phận thanh toán thuế

Tầng 2 tòa nhà chính TEL:072-841-1380

Ủy ban nhân dân

7. Nuôi dạy trẻ

1. Y tế cho trẻ em và chế độ hỗ trợ

Các loại	Nội dung	Địa chỉ liên hệ
Tiêm ngừa	◇ Có thể nhận sự tiêm ngừa (tiêm để phòng bệnh). ◇ Không tốn phí. (Có một số loại có tính phí.) ◇ Loại và số lần tiêm ngừa khác nhau tùy theo độ tuổi của trẻ.	Phòng y tế dự phòng Tầng 1 tòa nhà phụ thứ 3 Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1429
Khám sức khỏe cho trẻ sơ sinh	◇ Thực hiện khám sức khỏe cho trẻ sau sinh từ 4 tháng, 19 tháng, 30 tháng và 42 tháng. ◇ Không tốn phí.	Trung tâm trẻ em tròn đầy Tầng 6 Hirakata station hill TEL:072-840-7221
Hỗ trợ chi phí y tế	◇ Trợ cấp một phần chi phí y tế (một phần tự chi trả cho việc khám chữa bệnh của bảo hiểm y tế) và chi phí ăn uống cho trẻ em từ 0 đến 18 tuổi (đến ngày 31/3 sau khi đủ 18 tuổi).	Ban hỗ trợ y tế và trợ cấp Nhi đồng Bộ phận hỗ trợ y tế Tầng 2 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1359

2. Trợ cấp Nhi đồng

- ◇ Những người đang nuôi con đến tuổi học cấp 3 (đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau khi đủ 18 tuổi) có thể nhận trợ cấp nuôi con.
- ◇ Vui lòng nộp đơn trong vòng 15 ngày kể từ ngày con bạn được sinh ra hoặc khi bạn chuyển đến.
- ◇ Số tiền trong bảng dưới đây là số tiền trợ cấp một tháng cho mỗi trẻ. Việc chuyển tiền được thực hiện 6 lần một năm (tháng 2, tháng 4, tháng 6, tháng 8, tháng 10 và tháng 12).

Từ 0~2 tuổi	Con thứ 1/Con thứ 2	15.000 yên
	Con thứ 3 trở đi	30.000 yên
3 tuổi trở lên cho đến hết tuổi học cấp 3	Con thứ 1/Con thứ 2	10.000 yên
	Con thứ 3 trở đi	30.000 yên

Ban hỗ trợ y tế và trợ cấp Nhi đồng
Bộ phận trợ cấp nhi đồng
Tầng 2 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1408

3. Trợ cấp nuôi dưỡng Nhi đồng

◇Người đã ly hôn hoặc có con mà chưa kết hôn thì được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng Nhi đồng. Những người có chồng hoặc vợ bị khuyết tật, có chồng hoặc vợ bị công an bắt giữ hoặc đang chạy trốn bạo lực gia đình cũng có thể đủ điều kiện. (Cho đến tháng 3 sau khi trẻ tròn 18 tuổi)

◇Phải nộp đơn đăng ký để nhận tiền.

◇Số tiền trong bảng dưới đây dành cho một tháng. Việc chuyển tiền được thực hiện sáu lần một năm (tháng 1, tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 9, tháng 11).

Tuy nhiên, số tiền bạn nhận được có thể thay đổi hoặc không được nhận tùy thuộc vào bạn hoặc thu nhập của người sống cùng bạn.

Con thứ 1	45.500 yên
Con thứ 2	10.750 yên
Con thứ 3	6.450 yên

◇Chi phí y tế có thể thấp hơn đối với những người nhận trợ cấp nuôi dưỡng nhi đồng (chăm sóc y tế cho gia đình đơn thân). Vui lòng tham khảo Ban hỗ trợ y tế và trợ cấp Nhi đồng Bộ phận hỗ trợ y tế.

Ban hỗ trợ y tế và trợ cấp Nhi đồng

Bộ phận trợ cấp nhi đồng

Tầng 2 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1408

Ban hỗ trợ y tế và trợ cấp Nhi đồng

Bộ phận hỗ trợ y tế

Tầng 2 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1359

4. Trợ cấp nuôi dưỡng Nhi đồng đặc biệt

◇Người nuôi con khuyết tật có thể được hưởng Trợ cấp nuôi dưỡng nhi đồng đặc biệt. (Cho đến tháng trước khi đứa trẻ tròn 20 tuổi.)

◇Phải nộp đơn đăng ký để nhận tiền.

◇Số tiền trong bảng dưới đây là số tiền chi trả trong một tháng cho một trẻ khuyết tật. Việc chuyển tiền được thực hiện ba lần một năm (tháng 4, tháng 8 và tháng 11).

Tuy nhiên, số tiền bạn nhận được có thể thay đổi hoặc không nhận được tùy thuộc vào mức độ khuyết tật hay thu nhập của bạn hay người sống cùng bạn.

Cấp 1	55.350 yên
Cấp 2	36.860 yên

Ban hỗ trợ y tế và trợ cấp Nhi đồng

Bộ phận trợ cấp nhi đồng

Tầng 2 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1408

5. Tư vấn về trẻ em

Phân loại	Nội dung	Địa chỉ liên hệ
Tư vấn về trẻ em dưới 18 tuổi	Thực hiện tư vấn liên quan đến những vấn đề gia đình và trẻ em.	Trung tâm trẻ em tròn đầy Tầng 6 Hirakata station hill TEL:072-841-1124
Cơ quan nhận thông báo về ngược đãi trẻ em	Hãy liên lạc khi nghi ngờ có việc “Ngược đãi trẻ em”.	Trung tâm trẻ em tròn đầy Tầng 6 Hirakata station hill TEL:072-841-1119

6. Nhà trẻ/Mẫu giáo

- ◇ Trẻ em trước khi vào tiểu học đều có thể theo học.
- ◇ Phí giữ trẻ cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên được miễn phí.

Phân loại	Nội dung	Địa chỉ liên hệ
Nhà trẻ	◇ Là nơi nhận trông giữ trẻ khi cha mẹ không thể chăm sóc vì công việc hoặc bệnh tật. ◇ Có trường nhà trẻ công lập và tư thực.	Ban tuyển sinh nhà trẻ mẫu giáo Tầng 5 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1472
Nhà trẻ kết hợp mẫu giáo	◇ Là những cơ sở kết hợp được những ưu điểm và chức năng của nhà trẻ và mẫu giáo.	Ban tuyển sinh nhà trẻ mẫu giáo Tầng 5 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1472
Mẫu giáo	◇ Trẻ từ 3~5 tuổi đều có thể đi học. ◇ Là cơ sở giáo dục mà trẻ có thể trải nghiệm việc sinh hoạt tập thể. ◇ Có trường mẫu giáo công lập và tư thực.	Ban nhà trẻ mẫu giáo công lập Tầng 5 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1473
		Ban nhà trẻ mẫu giáo tư thực Tầng 5 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân TEL:072-841-1471

8. Giáo dục

1. Nhập học/Hỗ trợ

- ◇ Trẻ có thể theo học tại các trường tiểu học và trung học cơ sở của Thành phố Hirakata trong khu vực nơi đang sinh sống.
Bắt đầu từ tháng 4 đầu tiên sau khi trẻ tròn 6 tuổi, trẻ sẽ học tiểu học trong 6 năm, tiếp theo là trung học cơ sở trong 3 năm.
- ◇ Sẽ tiến hành kiểm tra sức khỏe trước khi vào trường tiểu học. Phụ huynh sẽ được thông báo vào khoảng tháng 10.
- ◇ Các trường tiểu học và trung học cơ sở tại Thành phố Hirakata không cần đóng học phí và phí sách giáo khoa.
- ◇ Trẻ em quốc tịch nước ngoài nếu muốn đến học tại trường tiểu học hoặc trung học cơ sở ở Thành phố Hirakata, hãy đăng ký với Phòng hỗ trợ trường học.
- ◇ Nếu gia đình không có tiền cho con đi học, trẻ có thể nhận được tiền như để mua đồ dùng học tập ở trường bằng cách đăng ký tại trường của mình. (Chế độ hỗ trợ trường học)
- ◇ Nếu gia đình không có đủ tiền cho con học trung học, trẻ có thể nhận được học bổng bằng cách nộp đơn vào Phòng hỗ trợ trường học. (Chế độ học bổng thành phố Hirakata)
- ◇ Học sinh tiểu học và trung học cơ sở mất cha mẹ vì tai nạn giao thông có thể nhận được học bổng bằng cách nộp đơn vào Phòng hỗ trợ trường học. (Chế độ học bổng cho trẻ mồ côi vì tai nạn giao thông thành phố Hirakata)

Ban hỗ trợ trường học

Kagayaki Plaza

Kirara

TEL:050-7105-8043

2. Hỗ trợ trẻ em và học sinh người nước ngoài

Giáo viên hướng dẫn giáo dục	Đối với trẻ em và học sinh gặp khó khăn trong việc hiểu tiếng Nhật, các trường tiểu học và trung học cơ sở của Thành phố Hirakata có chế độ cử các giáo viên hướng dẫn giáo dục đến để hỗ trợ học tiếng Nhật và các môn học cũng như tư vấn về đời sống học đường. Thời gian phái cử là hai năm sau khi chuyển giao. 1 đến 2 lần một tuần (mỗi lần 2 giờ). Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo ý kiến với giáo viên trường học của bạn.
-------------------------------------	--

Hỗ trợ cuộc sống học đường cho học sinh trở về Nhật Bản và đến Nhật Bản

Hội đồng Giáo dục phủ Osaka đã thành lập một trang web để hỗ trợ trẻ em và học sinh nước ngoài trong đời sống học đường.	
URL: https://www.pref.osaka.lg.jp/o180080/shochugakko/kikokutoniti-sapo/index.html	
① Thông tin hỗ trợ học tập tại nhà đa ngôn ngữ	
Có thể học số học và toán học bằng cách xem video.	
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Việt Nam, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Nga, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Thái Lan, Tiếng Mã Lai, Tiếng Khmer, Tiếng Trung Quốc (Phồn thể)
② “Nội dung toán học đa ngôn ngữ” (Đại học Sư phạm Kyoto, Hiệp hội Tư duy về Giáo dục Trẻ em nước ngoài)	
Bạn có thể học toán trong khoảng 3 phút ở bất kỳ mức độ nào.	
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Hàn Quốc/Tiếng Triều Tiên, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Anh, Tiếng Việt Nam
③ Thông tin hỗ trợ cuộc sống học đường đa ngôn ngữ	
Cung cấp nhiều thông tin liên quan đến hướng nghiệp và cuộc sống học đường.	
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc/Tiếng Triều Tiên, Tiếng Anh, Tiếng Indonesia, Tiếng Nga, Tiếng Ukraina, Tiếng Việt Nam, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Philipin, Tiếng Thái Lan, Tiếng Nepal.
④ Thông tin hỗ trợ lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh THCS	
Cung cấp thông tin về việc học lên Trung học	
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc/Tiếng Triều Tiên, Tiếng Việt Nam, Tiếng Philipin, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Thái Lan, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Indonesia, Tiếng Nepal, Tiếng Urdu, Tiếng Ả Rập, Tiếng Mã Lai, Tiếng Ukraina.

3. Nơi ở cho trẻ sau giờ học

	Phòng Hội trẻ em khi phụ huynh vắng nhà Là nơi nhận trông các em học sinh tiểu học khi cha mẹ không thể chăm sóc con vì lý do công việc hoặc bệnh tật.	Quảng trường mở sau giờ học Như một nơi trẻ có thể tự do suy nghĩ, vui chơi, và một phần cơ sở vật chất của trường được mở cửa cho trẻ sau giờ học
Địa điểm	◇ Trong khuôn viên 44 trường tiểu học thành phố	◇ Trong khuôn viên 44 trường tiểu học thành phố
Ngày mở cửa	◇ Thứ 2 đến Thứ 6 (Đóng cửa vào ngày lễ) ※ Có mở cửa ngoại lệ vào Thứ bảy	◇ Thứ 2 đến thứ 7 ※ Đóng cửa vào các ngày lễ, ngày kỷ niệm thành lập và ngày nghỉ học
Thời gian	◇ Thời kỳ trường học bình thường Chiều 1:15~Chiều 7:00 ◇ Thời kỳ trường nghỉ học Sáng 8:00~Chiều 7:00 ◇ Mở cửa ngoại lệ Sáng 8:00~Chiều 6:00	◇ Thời kỳ trường học bình thường Sau giờ tan học~Chiều 5:00 ◇ Thời kỳ trường nghỉ học và thứ 7 Sáng 9:00~Chiều 5:00 (Tháng 3~tháng 10 sẽ đóng cửa lúc 4:30 chiều)
Phí	◇ Phí giữ trẻ 7.200 yên/1 tháng/1 người (Phí giữ trẻ ngoài giờ từ 6:00 chiều đến 7:00 chiều là: 1.000 yên) ◇ Phí quà ăn vặt 2.000 yên/1 tháng/1 người	◇ Không mất phí (Như việc đăng ký trước và bảo hiểm tai nạn thì cần đóng 1.000 yên/1 năm/1 người)

Ban phụ trách trẻ em sau giờ học

Kagayaki Plaza

TEL: 050-7105-8201

Kirara

9. Y tế và Phúc lợi

- ◇Nhật Bản có bệnh viện đa khoa (bệnh viện lớn) và phòng khám/phòng khám tư nhân.
- ◇Khi đến bệnh viện, trước tiên hãy đến phòng khám hoặc phòng khám tư nhân. Hãy mang theo thẻ my number hay thẻ bảo hiểm của bạn.
- ◇Bệnh viện đóng cửa vào Chủ nhật, ngày lễ và các ngày lễ cuối năm, đầu năm mới.

1. Người phiên dịch chuyên về y tế

- ◇Thành phố sẽ cử thông dịch viên y tế tình nguyện (Thông dịch viên y tế thành phố Hirakata) miễn phí để người nước ngoài có thể yên tâm đến các bệnh viện trong thành phố.
 - ◇Điều này áp dụng cho đối tượng là các phòng khám ngoại trú tổng quát và khám sức khỏe trẻ sơ sinh được thực hiện tại trung tâm trẻ em tròn đầy (tầng 6 hirakata station hill).
 - ◇Tình nguyện viên phiên dịch y tế có nghĩa vụ bảo mật và sẽ bảo vệ thông tin cá nhân của bạn.
 - ◇Việc đăng ký phải được thực hiện ít nhất 5 ngày trước ngày điều trị y tế theo lịch trình (không bao gồm thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ).
 - ◇Ngôn ngữ đối ứng: Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc/Tiếng Triều Tiên, Tiếng Tây Ban Nha
- *Lịch trình dành cho Tiếng Hàn Quốc/Tiếng Triều Tiên, và Tây Ban Nha cần phải được sắp xếp trước.

URL:<https://www.city.hirakata.osaka.jp/0000006845.html>



Ban chính sách phúc lợi sức khỏe

Tầng 2 tòa nhà phụ

TEL:072-841-1461

Ủy ban nhân dân

2. Bệnh viện có thể sử dụng tiếng nước ngoài

Mạng thông tin y tế (Navi)	Bạn có thể tìm kiếm các bệnh viện, phòng khám có thể khám bằng tiếng nước ngoài theo ngôn ngữ (Tìm kiếm bằng tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc) URL: https://www.iryuu.teikyouseido.mhlw.go.jp/znk-web/juminkanja/S2310/initialize?pref=27	
Thông tin về các cơ sở y tế nói cùng một ngôn ngữ và các tài liệu khác nhau bằng nhiều ngôn ngữ	Trung tâm thông tin y tế quốc tế AMDA cung cấp thông tin y tế tại Nhật cho người nước ngoài và cung cấp dịch vụ thông dịch qua điện thoại miễn phí trong quá trình điều trị y tế. URL: https://www.amdamedicalcenter.com/	
	Chứa các tài liệu đa ngôn ngữ (tài liệu về chi phí y tế, v.v.) rất hữu ích khi đến khám tại cơ sở y tế bằng tiếng nước ngoài. URL: https://www.amdamedicalcenter.com/questionnaire	
Giấy khai khám bệnh đa ngôn ngữ (đối ứng 23 ngôn ngữ)	Được tạo ra để những người nước ngoài không nói được tiếng Nhật có thể nói các triệu chứng của họ bằng ngôn ngữ mẹ đẻ cho các bác sĩ khi bị ốm hoặc bị thương. URL: https://www.kifjp.org/medical/ Được hợp tác tạo ra bởi International Exchange Hearty Konandai và Quỹ Quốc tế Kanagawa.	

3. Khi bạn muốn đến bệnh viện vào ngày nghỉ hoặc ban đêm

Phòng khám cấp cứu vào ngày nghỉ Hirakata	TEL:072-848-1777	Chủ nhật/Ngày lễ/Ngày nghỉ năm mới ◇Sáng 10:00~Trưa 12:00 (Tiếp tân bắt đầu từ Sáng 9:40~Sáng 11:30) ◇Chiều 1:00~Chiều 5:00 (Tiếp tân bắt đầu từ Trưa 12:40~Chiều 4:30) Đêm thứ 7 ◇Chiều 6:00~Chiều 9:00 (Tiếp tân bắt đầu từ Chiều 5:40~Chiều 8:30)
--	------------------	---

Phòng khám cấp cứu Nha khoa vào ngày nghỉ Hirakata	TEL:072-848-0841	Chủ nhật/Ngày lễ/Ngày nghỉ năm mới ◇Sáng 10:00~Trưa 12:00 (Tiếp tân bắt đầu từ Sáng 9:30~Sáng 11:30) ◇Chiều 1:30~Chiều 5:00 (Tiếp tân bắt đầu từ Chiều 1:00~Chiều 4:30)
Trung Tâm cấp cứu trẻ em vào ban đêm Kitakawachi (Cho trẻ em từ trung học cơ sở năm 3 trở xuống)	TEL:072-840-7555	365 ngày ◇Đêm 9:00~7:00 Sáng hôm sau (Tiếp tân bắt đầu từ Đêm 8:30~6:30 sáng hôm sau)
Có dịch vụ phiên dịch y tế qua điện thoại. Ngôn ngữ đối ứng: Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Việt Nam, Tiếng Thái Lan, Tiếng Pháp		

4. Phúc lợi của người khuyết tật

- ◇Nếu bạn bị khuyết tật, bạn sẽ nhận "Sổ tay người khuyết tật" tại ủy ban nhân dân.
- ◇Để nhận được sổ tay, bạn cần phải được chẩn đoán tại bệnh viện và nộp hồ sơ.
- ◇Tùy theo mức độ khuyết tật của bạn, chi phí y tế của bạn có thể thấp hơn hoặc bạn có thể nhận được trợ cấp.

Sổ khuyết tật thân thể	Cấp cho những người khuyết tật về thân thể.
Sổ phục hồi	Cấp cho những người có chuẩn đoán là khuyết tật tinh thần nhận thức.
Sổ phúc lợi chăm sóc sức khỏe cho người khuyết tật tâm thần	Cấp cho những người có tổn thương tinh thần và được thừa nhận có hạn chế trong cuộc sống hàng ngày.

Ban hỗ trợ khuyết tật

Tầng 1 tòa nhà phụ

TEL:072-841-1457

Ủy ban nhân dân

10. Lớp học tiếng Nhật

1. Hội tình nguyện viên tiếng Nhật thành phố Hirakata

- ◇Đối với người nước ngoài muốn học tiếng nhật hay đang gặp khó khăn trong việc hiểu tiếng sẽ được tình nguyện viên hỗ trợ học tiếng nhật.
- ◇Có 5 lớp mỗi tuần. Bạn sẽ học một kèm một nên ngay cả người mới bắt đầu cũng có thể học.
- ◇Có những buổi tụ tập vui vẻ như tiệc mừng năm mới, trò chuyện và đi dã ngoại.
- ◇Tại lớp học, các sự kiện theo mùa như Tanabata và Hinamatsuri cũng sẽ được tổ chức.

Địa điểm	Tòa nhà phụ Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tổng hợp thành phố Hirakata	
Ngày giờ	Trưa thứ ba	Chiều 1:30~Chiều 3:00
	Tối thứ ba	Chiều 6:30~Chiều 8:00
	Thứ tư	Chiều 6:30~Chiều 8:00
	Thứ bảy①	Chiều 4:30~Chiều 6:00
	Thứ bảy②	Chiều 6:30~Chiều 8:00
Hội phí	500 yên/nửa năm	
URL	https://hirakatashi-nihongo.localinfo.jp	
Địa chỉ liên lạc	090-4644-1862 (Hội trưởng にしむらまさと 西村雅人 (Nishimura Masato)) E-mail:hirakatashi.nihongo@gmail.com	



2. Phòng Tiếng Nhật

- ◇Học sinh tiểu học và trung học cơ sở có quốc tịch gốc nước ngoài thường tụ tập hàng tuần như một nơi các em có thể đến một cách thoải mái.
- ◇Lấy việc học tiếng Nhật là trọng tâm, các em có thể vui vẻ vừa làm bài tập ở trường cũng như ôn thi ở đây.
- ◇Các mẹ có con nhỏ và các bạn muốn học tiếng Nhật đều có thể đến.
- ◇Nếu các bạn muốn học tiếng Nhật cùng nhau thì hãy đến nhé.

Địa điểm	Tòa nhà phụ Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tổng hợp thành phố Hirakata	
Ngày giờ	Thứ 7 Lớp sáng / Sáng 10:00~Sáng 11:30	
	Thứ 7 Lớp chiều / Chiều 1:00~Chiều 2:30	
Hội phí	100 yên /1 tháng	
URL	https://www.instagram.com/nihongonoheya.2021/?igsh=NmgzcTcyYTZxYjh5	
Địa chỉ liên lạc	090-6901-9446 (Đại diện くのともこ 久野知子(Kuno Tomoko)) E-mail:nihongonoheya.2021@gmail.com	



3. Phòng học tiếng Nhật và đa văn hóa thành phố Hirakata - [Yomikaki]

- ◇ Là một lớp học mà những ai đang gặp khó khăn trong cuộc sống vì không hiểu tiếng Nhật có thể tự do học tập (Nói, Viết, Đọc tiếng Nhật).
- ◇ Ngoài học tiếng Nhật còn có những hoạt động giao lưu ứng với mỗi mùa trong năm như đã ngoài.
- ◇ Có 6 nơi đang hoạt động trong thành phố
- ◇ Không tốn phí.



URL: <https://www.city.hirakata.osaka.jp/0000045104.html>

Địa điểm	Trung tâm học tập trọn đời nhân dân Kuzuha	Địa điểm	Trung tâm giao lưu học tập trọn đời
Ngày giờ	Thứ 5 Sáng 10:00~Trưa 12:00 Thứ 7 Sáng 10:00~Trưa 12:00	Ngày giờ	Thứ 5 Chiều 7:00~Chiều 9:00 Thứ 7 Chiều 7:00~Chiều 9:00
Địa chỉ	Kuzuha Namiki 2-29-5	Địa chỉ	Okahigashi-cho 19-1 Tầng 5 Hirakata station hill
TEL	050-7102-3131	TEL	072-846-5557
Địa điểm	Trung tâm học tập trọn đời nhân dân Sada	Địa điểm	Trung tâm học tập trọn đời nhân dân Makino
Ngày giờ	Thứ 3 Sáng 10:00~Trưa 12:00 Thứ 6 Sáng 10:00~Trưa 12:00	Ngày giờ	Thứ 3 Sáng 10:00~Trưa 12:00 Thứ 5 Sáng 10:00~Trưa 12:00 Thứ 7 Sáng 10:00~Trưa 12:00
Địa chỉ	Kitanakaburi 3-27-10	Địa chỉ	Uyama-cho 4-5
TEL	050-7102-3133	TEL	050-7102-3137
Địa điểm	Trung tâm học tập trọn đời nhân dân Tsuda	Địa điểm	Trung tâm học tập trọn đời nhân dân Sugawara
Ngày giờ	Thứ 4 Sáng 10:00~Trưa 12:00 Thứ 7 Sáng 10:00~Trưa 12:00	Ngày giờ	Thứ 3 Sáng 10:00~Trưa 12:00 Thứ 6 Chiều 7:00~Chiều 9:00
Địa chỉ	Tsuda Kitamachi 2-25-3	Địa chỉ	Nagao Motomachi 1-35-1
TEL	050-7102-3139	TEL	050-7102-3141

11. Thông tin dành cho người nước ngoài

1. Thông báo từ Thành phố Hirakata

<Trang web của Thành phố Hirakata>

- ◇ Thông tin chi tiết được viết trong hướng dẫn này có thể được xem trên trang web của Thành phố Hirakata.
- ◇ Có thể được dịch sang 8 ngôn ngữ dưới đây.
- ◇ Cũng có thể chuyển đổi sang “tiếng Nhật dễ hiểu”.

URL	https://www.city.hirakata.osaka.jp	
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc (giản thể/phồn thể), Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Thái Lan, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Indonesia, Tiếng Việt Nam	

<Quầy tiếp tân của Ủy ban nhân dân>

- ◇ Có máy tính bảng để dịch đa ngôn ngữ.

Vị trí lắp đặt	Ban nhân dân tầng 1 tòa nhà chính Ủy ban nhân dân Ban Tư vấn Tổng hợp về Y tế và Phúc lợi, Ban Kế hoạch khuyết tật tầng 1 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân Ban bảo hiểm hưu trí tầng 2 tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân Chi nhánh phía Bắc, Chi nhánh Tsuda, Chi nhánh Korigaoka, Thư viện Trung tâm
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Việt Nam, Tiếng Trung Quốc (Phổ Thông), Tiếng Hàn Quốc/Tiếng Triều Tiên, Tiếng Thái Lan, Tiếng Pháp, Tiếng Indonesia, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Myanmar, Tiếng Bồ Đào Nha (Brazil).

<Công báo Hirakata>

- ◇ Có đăng các thông báo quan trọng từ Thành phố Hirakata và thông tin sự kiện hàng tháng.
- ◇ Bạn có thể đọc bằng tiếng nước ngoài bằng ứng dụng đa ngôn ngữ “Catalog Pocket”.

URL	https://www.catapoke.com/search/?keyword=%E6%9E%9A%E6%96%B9%E5%B8%82	
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc (giản thể/phồn thể), Tiếng Hàn Quốc/ Tiếng Triều Tiên, Tiếng Thái Lan, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Indonesia, Tiếng Việt Nam, Tiếng Nhật	

<Tóm lược thành phố>

- ◇ Tập sách này giới thiệu những địa điểm, lịch sử và văn hóa hấp dẫn của Hirakata.

Nơi phát	Phòng Xúc tiến Quan hệ Công chúng Tầng 3 Tòa nhà phụ Ủy ban nhân dân
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc/Tiếng Triều Tiên

2. Cơ quan thông tin cho người nước ngoài Phủ Osaka

- ◇Chúng tôi cung cấp nhiều loại thông tin và tư vấn, bao gồm cả thông tin về cuộc sống hàng ngày, bằng nhiều ngôn ngữ (11 ngôn ngữ bao gồm cả tiếng Nhật) để cư dân nước ngoài có thể yên tâm sinh sống.
- ◇Việc tư vấn được tiếp nhận bằng cách đến văn phòng của chúng tôi, qua điện thoại, email hoặc fax.
- ◇Không mất phí. Thực hiện việc giữ bí mật.

<https://www.ofix.or.jp/life/japanese/>



Địa điểm	(Quỹ doanh nghiệp công) Tài đoàn giao lưu quốc tế Phủ Osaka Thành phố Osaka chuouku honmachi bashi 2-5 maidoumu osaka tầng 5
Ngày giờ mở cửa	◇Thứ 2~Thứ 5: Sáng 9:00~Chiều 5:30 (Trừ ngày lễ và ngày nghỉ năm mới) ◇Thứ 6: Sáng 9:00~Chiều 9:00 (Trừ ngày lễ và ngày nghỉ năm mới) ※Nếu bạn đến sau 5:30 chiều, vui lòng đặt chỗ trước. ◇Chủ nhật của thứ 4 trong tháng: Chiều 1:00~Chiều 5:00 ※Nếu bạn đến, vui lòng đặt chỗ trước Cũng có những ngày bạn có thể tham khảo ý kiến của các chuyên gia (Luật sư, Luật sư hành chính, nhà tâm lý học lâm sàng, v.v.). Vui lòng xem lịch sự kiện để biết ngày giờ. https://ofix.or.jp/calendar/
Nội dung tư vấn	Về cuộc sống thường ngày như tư cách lưu trú, lao động/công việc, chăm sóc y tế, phúc lợi, giáo dục, v.v.
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc/Tiếng Triều Tiên, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Việt Nam, Tiếng Philipin, Tiếng Thái Lan, Tiếng Indonesia, Tiếng Nepal, Tiếng Nhật
Số điện thoại tư vấn chuyên dụng	06-6941-2297
FAX	06-6966-2401 ※Chỉ Tiếng Anh và Tiếng Nhật
E-mail	jouhou-c@ofix.or.jp ※Chỉ Tiếng Anh và Tiếng Nhật



3. Quay số tư vấn nhân quyền bằng tiếng nước ngoài

◇ Cơ quan bảo vệ nhân quyền của Bộ Tư pháp cung cấp dịch vụ tư vấn nhân quyền bằng 10 ngôn ngữ.

Ngày giờ mở cửa	Ngày thường (Trừ ngày nghỉ lễ năm mới) Sáng 9:00~Chiều 5:00
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Philipin, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Việt Nam, Tiếng Nepal, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Indonesia, Tiếng Thái Lan
Số điện thoại tư vấn chuyên dụng	0570-090911

4. Quầy tư vấn nhân quyền qua internet bằng tiếng nước ngoài

◇ Bộ Tư pháp đã thành lập một bộ phận tư vấn nhân quyền trực tuyến trên trang web của mình.

URL	https://www.moj.go.jp/JINKEN/jinken21.html#01	
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Philipin, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Việt Nam, Tiếng Nepal, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Indonesia, Tiếng Thái Lan	

5. Sách hướng dẫn về cuộc sống và việc làm

◇ Chứa thông tin chi tiết về tư cách cư trú và việc làm. Được soạn thảo bởi Cục quản lý xuất nhập cảnh.

URL	https://www.moj.go.jp/isa/support/portal/guidebook_all.html	
Ngôn ngữ đối ứng	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Việt Nam, Tiếng Nepal, Tiếng Thái Lan, Tiếng Indonesia, Tiếng Myanmar, Tiếng Khmer, Tiếng Philipin, Tiếng Mông Cổ, Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Tiếng Ukraina, Tiếng Nhật	



Cách phân loại-vứt rác gia đình



Tháng 6/2019

ベトナム語

Hãy cùng nhau hợp tác phân loại giảm thiểu rác để tạo ra thành phố Hirakata theo định hướng tái chế, không lãng phí tài nguyên.

- Phân loại rác cẩn thận, hãy dùng túi đựng dưới 45L không màu trong suốt, màu trắng (có thể nhìn thấy bên trong).
- Tuân thủ ngày thu gom, hãy vứt rác trước 8:45 sáng (thời gian thu gom tùy theo tình trạng giao thông).
- Hãy vứt rác vào địa điểm được chỉ định ở khu vực của bạn.

※ Hãy tham khảo bảng thu gom rác gia đình, điền ngày thu gom nơi bạn sống vào cột ngày thu gom rác.

Liên hệ Bộ môi trường
Phòng nghiệp vụ cắt giảm
ĐT 072-849-7969

Rác thường		Ngày thu	Thứ		hàng tuần	Mục chú ý
Rác nhỏ cháy được thải ra từ gia đình (không tích lại, hãy vứt luôn)						◆ Hoa, lá rụng coi là 「rác thô」 chỉ thu gom mỗi gia đình 1 túi vào ngày thu gom cuối tuần. (hãy ghi tên rồi vứt ra) ◆ Với dầu ăn hãy thấm bằng vải, giấy hoặc làm rắn lại bằng chất làm rắn rồi vứt. ◆ Với các loại rác tươi từ bếp hãy vắt nước hết rồi vứt.
			Rác nhỏ cháy được khác (cho vào túi dưới 45l) Rác nhỏ như da • cao su • nylon • nhựa • bột biển (giày da, giày thể thao, dép quai, cặp, băng catset, vôi, hộp chai dầu gội, xà, giấy bạc) kairo dùng 1 lần, băng video, đĩa CD vv			
Rác tươi Các loại như vỏ ốc, trứng, dầu mỡ ăn vv		Tã giấy (loại bỏ phần bẩn)				
※ Nếu vải cũ được hiệp hội địa phương hay hội trẻ em vv thu gom thì hãy vứt ở đó.						

Chai nhựa • hộp nhựa		Ngày thu	Thứ		hàng tuần	Mục chú ý
Chai nhựa, hộp nhựa vứt ra từ gia đình						◆ Không để lại thức ăn, rửa sạch rồi vứt. ◆ Rửa sạch đồ có chứa chất tẩy rửa rồi vứt. ◆ Không cần phân loại chai nhựa và các hộp nhựa khác, gộp chung lại rồi vứt. ◆ Chai nhựa cứ thế vứt ra không cần tháo nắp. ◆ Vòi nhựa của chai dầu gội đầu xả hãy vứt ra rác thường.
			Túi, giấy bọc			
			Các loại sản phẩm nhựa khác			
※ Tham khảo cách vứt rác chai, hộp nhựa						

Lon rỗng, chai thủy tinh		Ngày thu	Hàng tháng	Thứ	Thứ	Mục chú ý
Các loại lon, hộp nhôm, chai, thủy tinh dưới 18l						◆ Tháo nắp được làm từ nhựa rồi vứt ra phần chai nhựa, hộp nhựa. ◆ Tháo nắp bằng kim loại rồi vứt cùng. ◆ Làm rỗng, rửa sạch rồi vứt. ◆ Hộp sơn, can dầu • gốm sứ (đồ gốm) • gương là 「rác thô」. ◆ Lấy báo bọc lại chai, thủy tinh bị vỡ, ghi chữ (Nguy hiểm) .
Lon nước	Bình ga mini, bình xịt	Hộp, can đựng dầu ăn	Chai mỹ phẩm, kính chống nhiệt	Tấm kính	Chai gia vị, đồ uống	
※ Nếu lon nhôm được hiệp hội địa phương hay hội trẻ em vv thu gom thì hãy vứt ở đó.						

Giấy (giấy báo, bìa cứng, tạp chí • giấy vụn)		Ngày thu	Hàng tháng	Thứ	Thứ	Mục chú ý
Báo giấy, bìa cứng, tạp chí, giấy vụn thải ra từ ra đình (buộc lại bằng dây rồi vứt)						[Cách] 1. Buộc giấy báo, bìa cứng tạp chí rồi vứt. 2. Giấy vụn thì buộc lại hoặc cho vào túi giấy rồi vứt. ◆ Không thể cho vào túi nilon để vứt.
Giấy báo	Bìa cứng	Sách	Tờ rơi	Tờ quảng cáo	Tờ giới thiệu	
※ Tham khảo tại 『Bắt đầu phân loại thu gom giấy cũ』 .						
※ Nếu được hiệp hội địa phương hay hội trẻ em vv thu gom thì hãy vứt ở đó.						

Đăng ký thu gom rác cỡ lớn tại 0120-66-8153 「Trung tâm đăng ký xử lý rác cỡ lớn」

(Có thể gọi bằng điện thoại cầm tay • PHS)

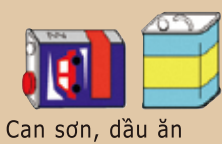
※ Xin hãy chú ý không gọi nhầm số.

- Tiếp nhận điện thoại : thứ 2 ~ thứ 6 (cả ngày lễ) sáng 9 giờ~ 19 giờ • Có thể khó liên hệ vào buổi sáng sau ngày nghỉ do nhiều người gọi.
- Tiếp nhận qua Web, hãy đăng ký trên trang chủ của thành phố Hirakata tại dịch vụ online 「Đăng ký trên net • Rác cỡ lớn」 .

※ Chi tiết hãy tham khảo tại 『Hướng dẫn xử lý rác cỡ lớn—bản lưu lại—』

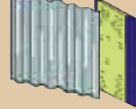
Rác thô (Miễn phí)

Rác thô chủ yếu



Rác cỡ lớn (Mất phí)

Rác cỡ lớn chủ yếu



Rác tạm thời (Mất phí)

- Rác tạm thời là rác đăng ký xử lý 「rác thô」 • 「rác cỡ lớn」 các loại trên 6 cái, hoặc đăng ký xử lý các loại hơn 2 lần trong cùng 1 tháng.
- Hãy đăng ký là rác tạm thời đối với số lượng rác nhiều khi chuyển nhà, dọn dẹp.

※ Cần phải có mặt khi thu gom rác tạm thời.



Rác tự mang tới (Mất phí)

- Địa điểm: 「Hotanigawa seisokojo」 (Hirakatashi taguchi 5 chome 1 - 1).
- Cần đăng ký với 「Trung tâm đăng ký xử lý rác cỡ lớn」 .
- Cần mất phí cho từng loại 「Rác tự mang tới」 .
- Hãy tự mình mang rác đến trung tâm.
- Không thể nhờ doanh nghiệp, người khác mang hộ đến.
- Ngày có thể mang đến : từ thứ 2 đến thứ 6 (cả ngày lễ) trừ thứ 4. Từ 13 giờ đến 15 giờ 30 phút.

Xác động vật (Thu gom-xử lý)

- Đăng ký với 「Trung tâm đăng ký xử lý rác cỡ lớn」 .
- Mất 1200 yên/1 thú nuôi.
- Miễn phí khi tự mang đến.
- Địa điểm: 「Hotanigawa seisokojo」 (Hirakatashi taguchi 5 chome 1-1) .
- Khi phát hiện xác chó, mèo hoang hãy liên lạc tới 「Trung tâm đăng ký xử lý rác cỡ lớn」 (thu gom miễn phí) .



※ Thành phố không thu gom các loại rác thải ra từ công ty, cửa hàng, nhà xưởng (rác thải kinh doanh thông thường) . Chi tiết hãy tham khảo mặt sau.

Loại rác thành phố không thu gom và xử lý

◎ Rác không thu gom và xử lý

Thành phố sẽ không thu rác xử lý không đúng cách, rác vứt không tuân thủ luật của thành phố, và các loại được quy định trong pháp luật như chất thải công nghiệp. Vui lòng tự xử lý các rác này đúng cách, hoặc nhờ các đại lý, công ty xử lý chuyên ngành.

- Rác không thể xử lý chủ yếu bình ga to, bình cứu hỏa, các loại bình ga, sơn, dầu hỏa, lọ xịt, dung dịch pha loãng, pin, thuốc nông nghiệp, các loại dược liệu khác, piano, xe đạp, xe máy (bao gồm các phụ tùng) , lốp xe, dây thép, bóng bowling, tạ nặng, tạ dài gạch, bê tông, đất cát, các vật liệu xây dựng khác vv...

◎ Rác kinh doanh (rác thải thông thường)

※ (Không thể vứt ra khu để rác gia đình)

- Rác thải ra từ công ty, cửa hàng, nhà xưởng ... dựa theo 「Luật xử lý và dọn dẹp rác thải」 , các doanh nghiệp phải có trách nhiệm xử lý một cách hợp lý. Khi tự mình không thể xử lý đúng cách, bất luận rác nhiều hay ít, vui lòng liên hệ tới doanh nghiệp thu gom và vận chuyển rác thải của thành phố Hirakata ghi dưới.

Doanh nghiệp được phép (không theo thứ tự)	• Urban Keep	ĐT 0 7 2 - 8 5 9 - 0 3 0 0	• Delpis	ĐT 0 7 2 - 8 6 6 - 0 4 0 7
	• GAIA	ĐT 0 7 2 - 8 9 7 - 0 0 1 2	• Cleans	ĐT 0 7 2 - 8 0 7 - 4 9 0 1
	• Cosmic	ĐT 0 7 2 - 8 5 9 - 5 8 3 1	• Sumiyoshi Eco Support	ĐT 0 7 2 - 8 0 8 - 9 1 0 8
	• Toshi Create	ĐT 0 7 2 - 8 5 8 - 0 0 3 7	• Hirakata Netturbino	ĐT 0 7 2 - 8 9 8 - 4 4 5 5

• Khi đồ điện gia dụng trở nên không cần thiết •

Điều hòa, tivi, tủ lạnh, tủ đông, máy giặt, máy sấy khô quần áo



• 1. Danh mục của luật tái chế đồ điện gia dụng

Danh mục của Luật tái chế đồ gia dụng (Các thiết bị gia dụng tái chế được chỉ định) theo như dưới đây:

- Điều hòa
- Tivi (màn hình lồi, tinh thể lỏng, plasma)
- Tủ lạnh • Tủ đông
- Máy giặt • máy sấy khô quần áo

- ※ Vui lòng liên hệ để biết phí tái chế và nơi thu nhận được chỉ định.
- ※ Chi phí tái chế khác nhau tùy theo nhà sản xuất. Ngoài chi phí tái chế, cần mất phí khác như (phí thu gom • vận chuyển) .

Liên đoàn công nghiệp gia dụng Nhật Bản
Trung tâm cấp phiếu tái chế gia dụng

0 1 2 0 - 3 1 9 - 6 4 0

Trang chủ http://www.rkc.aeha.or.jp/consumer/recycle_price.html

• 2. Cách xử lý khi không cần đồ gia dụng

- Yêu cầu đại lý thiết bị gia dụng (bao gồm cửa hàng bán lẻ, cửa hàng hợp tác xử lý, vv) đến lấy.

(Trường hợp mua thay thế)

Yêu cầu cửa hàng nơi mua sản phẩm mới đến lấy sản phẩm cũ không cần thiết.

(Trường hợp chỉ mang đi)

Hãy hỏi cửa hàng đã mua sản phẩm đó hoặc cửa hàng gia dụng gần nhà để xử lý.

※ Về cửa hàng hợp tác xử lý đồ gia dụng

Truy cập Web thành phố Hirakata Mục cửa hàng hợp tác thu gom đồ điện gia dụng : <https://www.city.hirakata.osaka.jp/0000011265.html>
Hoặc liên hệ phòng nghiệp vụ cắt giảm.

- Hãy trực tiếp mang tới địa điểm nhận được chỉ định.

(1). Chuẩn bị trước

Hãy xác nhận, ghi nhớ hãng sản xuất, kích thước của tivi, dung tích của tủ lạnh, tủ đông.

(2). Chi trả phí tái chế

Vui lòng mang theo bản ghi nhớ ở trên và điền vào các vật dụng cần thiết trong 『vé tái chế điện tử tại nhà (phương thức chuyển khoản qua bưu điện)』 có sẵn tại bưu điện (Ngân hàng Yucho) và trả phí tái chế tại quầy bưu điện.

(3). Mang tới nơi nhận được chỉ định

Sau khi xác nhận thời gian làm việc của các địa điểm được chỉ định, hãy mang vé tái chế và đồ điện đó đến địa điểm đó.

(Địa điểm nhận chỉ định) • Công ty Kofuji Butsuruyō

Hirakata shi Kasuga nishimachi 3-45-1 ĐT 0 7 2 - 8 0 8 - 3 6 1 1

• Về tái chế máy PC (máy tính bàn) • — Máy tính • màn hình —

Về máy tính bàn, các nhà sản xuất bắt đầu tái chế dựa theo Luật thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên. Hãy vứt máy tính • màn hình theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Để biết chi tiết về phương pháp tái chế, hãy liên lạc tới nhà sản xuất hoặc 「Liên đoàn công nghiệp Hiệp hội thúc đẩy 3R máy tính」 .

ĐT: 0 3 - 5 2 8 2 - 7 6 8 5 Trang chủ: <http://www.pc3r.jp>



• Về tái chế Pin sạc điện cỡ nhỏ •

Căn cứ theo Luật thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên, việc thu gom, tái chế Pin sạc điện cỡ nhỏ là nghĩa vụ. Pin sạc điện cỡ nhỏ được sản xuất từ tài nguyên hiếm như là: Niken (Ni), Cadimi (Cd) , Coban (Co) . Hãy cho Pin sạc điện cỡ nhỏ vào Box tái chế của cửa hàng hợp tác tái chế. Để biết cửa hàng hợp tác chế gần nhà hãy truy cập trang chủ Liên đoàn công nghiệp J B R C (<http://www.jbrc.com/>).

• Tái chế điện thoại di động •

Phần thân của điện thoại di động • Thiết bị PHS không cần thiết • Bộ sạc • Pin được thu thập miễn phí tại cửa hàng có dấu này. Nội dung chi tiết về tái chế điện thoại di động, có thể Xem tại trang chủ của Liên đoàn công nghiệp Hiệp hội truyền thông điện tử (<http://www.tca.or.jp/>) .



• Về tái chế bình cứu hỏa •

Từ ngày 8/9/2005 theo cáo thị của Bộ môi trường, các nhà sản xuất có thể tái chế bình chữa cháy trên diện rộng bằng cách sử dụng chế độ nhận định diện rộng. Chi tiết liên hệ tới nhà sản xuất.

- Trung tâm tái chế HATSUTA Eco 0 1 2 0 - 8 2 2 - 3 0 6
- Bộ phận tư vấn khách hàng Yamato Protec 0 5 7 0 - 0 8 0 - 1 0 0

Bình ga mini, bật lửa là nguyên nhân gây ra hỏa hoạn cho xe thu gom rác !

Để phòng ngừa hỏa hoạn cho xe chở rác, hãy tuân thủ quy định vứt rác.

- ◆ Trước khi vứt ra 「rác thô」 buộc phải tháo pin đánh lửa trong bếp ga, máy đun nước, lò sưởi vv .

- ◆ Hãy sử dụng hết bình ga bật lửa • lon dầu bật lửa • bình ga mini • bình xịt rồi vứt ra 「Lon rỗng, chai • thủy tinh」 .

- ◆ Sau khi bật lửa sử dụng hết bên trong,, ngâm nước 1 ngày để viên đá đánh lửa không thể hoạt động, máy lửa bằng nhựa hãy vứt ra 「rác thường」, máy lửa kim loại hãy vứt ra 「rác thô」.

- ◆ Pin sạc điện cỡ nhỏ, hãy vứt vào Box tái chế của cửa hàng hợp tác tái chế.

- ※ Chi tiết xem tại • Về tái chế pin sạc điện cỡ nhỏ •



◎ Khi gặp khó khăn trong việc xử lý lỗi bình ga mini, bình xịt, thì từ thứ 2 đến thứ 6, 9h sáng đến 5h chiều, 『Nhà máy xử lý rác Hotani gawa』 , 『Nhà máy xử lý rác Tobu』 , sẽ thu nhận trực tiếp tại nhà máy. Chi tiết, liên hệ tới Phòng nghiệp vụ cắt giảm.

Hỗ trợ thu gom rác

Sẽ tới tận nhà để thu gom với những người sống 1 mình cần sự hỗ trợ của 1 người khác và người khuyết tật.

Hỗ trợ thu gom rác cỡ lớn

Hỗ trợ vận chuyển rác cỡ lớn từ trong nhà đối với hộ gia đình (sống cùng) người khuyết tật, người cao tuổi cần điều dưỡng.

Điều khoản sử dụng chi tiết hãy liên hệ tới Phòng nghiệp vụ cắt giảm

Hãy hợp tác cắt giảm-tái chế rác — Bắt đầu từ hôm nay 4R—

Hợp tác của người dân là cần thiết cho việc cắt giảm rác.
Gia đình hãy bắt đầu giảm lượng rác từ những việc đơn giản !



Liên hệ về xử lý rác

- Về thu gom rác, hỗ trợ thu gom rác vv...
Phòng nghiệp vụ cắt giảm ĐT 0 7 2 - 8 4 9 - 7 9 6 9

- Về tư vấn phát triển điểm để rác, tái chế • giảm rác thải
Phòng nghiệp vụ cắt giảm ĐT 0 7 2 - 8 0 7 - 6 2 1 1

- Về phiếu xử lý rác **Bộ phận tổng vụ môi trường** ĐT 0 7 2 - 8 0 7 - 6 2 1 1

- Về kiến học cơ sở xử lý rác
Nhà máy xử lý rác Hotanigawa ĐT 0 7 2 - 8 4 9 - 0 2 0 0
Nhà máy xử lý rác Tobu ĐT 0 7 2 - 8 5 8 - 6 9 6 2

- Về vứt rác trái phép ra nơi công cộng như công viên, đường, sông ngòi vv...
Phòng nghiệp vụ cắt giảm ĐT 0 7 2 - 8 4 9 - 7 9 6 9

- Dọn dẹp đồng thời(vệ sinh khu ở) phạm vi rộng như sân chơi của trẻ, rãnh ven đường
Phòng nghiệp vụ cắt giảm ĐT 0 7 2 - 8 4 9 - 7 9 6 9

Bảng lịch thu rác gia đình của từng khu vực tại thành phố Hirakata
(Ngày 1 tháng 6 năm 2019 thi hành)

ベトナム語

Vui lòng ghi ngày thu gom rác tại khu vực bạn sống để phân chia và xử lý rác thải gia đình.

※ Cách xem ngày thu gom lon rỗng, chai/thủy tinh các loại, các loại giấy(báo, bìa cứng, tạp chí, giấy vụn)

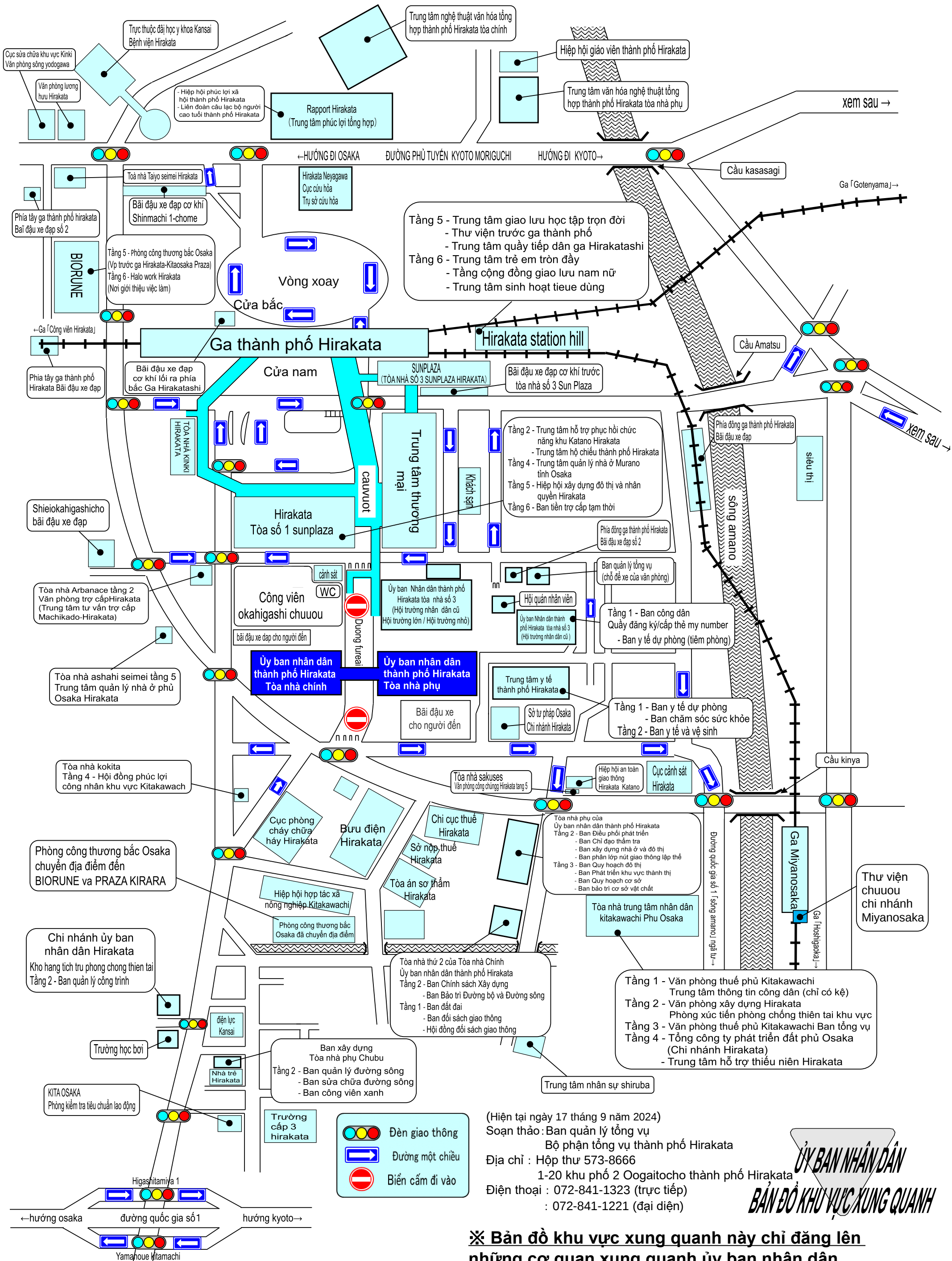
(VD) thị trấn ASAHIGAOKA thứ 2 của tuần thứ 2 và tuần thứ 4 hàng tháng là ngày thu gom rác.

Tên thị trấn	rác thường	chai nhựa• vỏ đựng bằng nhựa	lon rỗng, chai• thủy tinh các loại	các loại giấy (báo giấy, bìa cứng, tạp chí• giấy vụn)
A ASAHIGAOKACHO	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
AMANOAWACHO	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
I IKAGAKITAMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
IKAGAKOTOBUKICHO	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
IKAGASAKAEMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
IKAGANISHIMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
IKAGAHIGASHIMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
IKAGAHONMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
IKAGAMIDORIMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
IKAGAMINAMIMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
IKENOMIYA 1~4 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
ISOSHIMAKITAMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 1 và 3	
ISOSHIMACHAYAMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
ISOSHIMAMINAMIMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 1 và 3	
ISOSHIMAMOTOMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 1 và 3	
INDACHO	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần thứ 1 và 3	
U UENO 1~3 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
UYAMACHO	thứ 2•thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần thứ 1 và 3	
UYAMAHIGASHIMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần thứ 1 và 3	
O OAZASUGI	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
OAZASONENJI	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
OAZATSUDA	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
OAZAHOTANI	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
OGAITOCHO 1~3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
OMINEKITAMACHI 1,2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
OMINEHIGASHIMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
OMINEMINAMIMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
OMINEMOTOMACHI 1,2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
OKAHIGASHICHO	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
OKAHONMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
OKAMINAMICHO	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
OKAYAMATECHO	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
OGURACHO	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
OGURAHIGASHIMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
KA KADASHINMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
KADACHO	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
KADAHIGASHIMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
KASUGAKITAMACHI 1~5 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
KASUGANISHIMACHI 1~4 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
KASUGANO 1, 2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
KASUGAHIGASHIMACHI 1,2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
KASUGAMOTOMACHI 1,2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
KATAHOKOHIGASHIMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
KATAHOKOHONMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
KAMIJIMACHO	thứ 2•thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần thứ 1 và 3	
KAMIJIMAHIGASHIMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần thứ 1 và 3	
KAWAHARACHO	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
KI KIKUGAOKACHO	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
KIKUGAOKAMINAMIMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 4 tuần thứ 2 và 4	
KITAKATAHOKOCHO	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
KITAKUZUHACHO	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần thứ 2 và 4	
KITANAKABURI 1,2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 4 tuần thứ 2 và 4	
KITANAKABURI 3,4 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 4 tuần thứ 2 và 4	
KITAFUNAHASHICHO	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần thứ 2 và 4	

Tên thị trấn	rác thường	chai nhựa• vỏ đựng bằng nhựa	lon rỗng, chai• thủy tinh các loại	các loại giấy (báo giấy, bìa cứng, tạp chí• giấy vụn)
KI KITAYAMA 1 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần thứ 1 và 3	
KINYAHONMACHI 1 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
KINYAHONMACHI 2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
KU KUZUHAASAH 1,2 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
KUZUHAASAH 3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần thứ 2 và 4	
KUZUHAOKA 1,2 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần thứ 2 và 4	
KUZUHANAKANOSHIBA 1,2 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần thứ 2 và 4	
KUZUHANAKAMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần thứ 2 và 4	
KUZUHANAMIKI 1,2 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần thứ 2 và 4	
KUZUHANODA 1~3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần thứ 2 và 4	
KUZUHAHANAZONOCHO	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần thứ 2 và 4	
KUZUHAMISAKI 1~3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
KUZUHAMENDORICHO	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
KUZUHAMENDORICHO 1,2 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
KURUMAZUKA 1,2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
KO KODA 1,2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần thứ 2 và 4	
KOHOKU 1~4 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
KOYAMICHI 1,2 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
KORIENSATURAGICHO	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 4 tuần thứ 2 và 4	
KORIENCHO	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 4 tuần thứ 2 và 4	
KORIENHIGASHINOCHO	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 4 tuần thứ 2 và 4	
KORIENYAMANOTECHO	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 4 tuần thứ 2 và 4	
KORIGAOKA 1 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần thứ 1 và 3	
KORIGAOKA 2~12 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần thứ 2 và 4	
KOGANENO 1,2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
GO GOTENYAMACHO	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
GOTENYAMAMINAMIMACHI	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
SA SAKURAGAOKACHO	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần thứ 1 và 3	
SAKURAMACHI	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
SHI SHAKUSONJICHO	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần thứ 1 và 3	
SHODAIOTANI 1~3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần thứ 1 và 3	
SHODAIKITAMACHI 1~3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
SHODAITAJIKA 1~3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
SHODAINAKAMACHI 1 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 1 và 3	
SHODAINAKAMACHI 2,3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
SHODAIHIGASHIMACHI 1~3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
SHODAIHIRANOCHO	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 1 và 3	
SHODAIMINAMIMACHI 1 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 1 và 3	
SHODAIMINAMIMACHI 2,3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
SHODAIMOTOMACHI 1~4 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 4	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
SHINNOECHO	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
SHINMACHI 1,2 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
SU SUIKOENCHO	thứ 2•thứ 5	thứ 6	thứ 4 tuần thứ 2 và 4	
SUGI 1~4 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
SUGIKITAMACHI 1 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
SUGISEMEDANI 1 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
SUGIYAMATE 1~3 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
SUYAMACHO	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
SO SOYA 1,2 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
SONENJI 1~6 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần thứ 1 và 3	
TA TAKATSUKACHO	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 2 và 4	
TAGUCHI 1,2 CHOME	thứ 2•thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	
TAGUCHI 3,4 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần thứ 1 và 3	
TAGUCHI 5 CHOME	thứ 3•thứ 6	thứ 5	thứ 6 tuần thứ 2 và 4	

	Tên thị trấn	rác thường	chai nhựa· vỏ đựng bằng nhựa	lon rỗng· chai· thủy tinh các loại	các loại giấy (báo giấy, bìa cứng, tạp chí· giấy vụn)
TA	TAGUCHIYAMA 1~3 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	TAMIYAHONMACHI	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 2 và 4
TSU	TSUDAEKIMAE 1,2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	TSUDAKITAMACHI 1 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	TSUDAKITAMACHI 2,3 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	TSUDANISHIMACHI 1~3 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	TSUDAHIGASHIMACHI 1~3 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	TSUDAMINAMIMACHI 1,2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	TSUDAMOTOMACHI 1~4 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	TSUDAYAMATE 1,2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	TSUTSUMICHO	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 2 và 4
DE	DEGUCHI 1~6 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 4 tuần	thứ 2 và 4
	DEYASHIKIMOTOMACHI 1,2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	DEYASHIKIMOTOMACHI 1,2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
TO	TODACHO	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
DO	DOYAMA 1~3 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 1 và 3
	DOYAMAHIGASHIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
NA	NAGAOARASAKA 1,2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	NAGAOAKAGUMACHI 1~5 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	NAGAOKITAMACHI 1~3 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	NAGAODAI 1~4 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	NAGAOTANIMACHI 1~3 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	NAGAOTOGECHO	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	NAGAONISHIMACHI 1~3 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	NAGAOHARIMADANI 1 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	NAGAOHIGASHIMACHI 1~3 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	NAGAOMIYAMAE 1,2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	NAGAO MOTOMACHI 1~7 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	NAKAMIYA OIKE 1~4 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	NAKAMIYAKITAMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	NAKAMIYANISHINOCHO	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 1 và 3
	NAKAMIYAHIGASHINOCHO	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 1 và 3
	NAKAMIYAHONMACHI	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 1 và 3
	NAKAMIYAYAMATOCHO	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 1 và 3
	NAGISAUCHINO 1~4 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	NAGISASAKAEMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	NAGISANISHI 1~3 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
NAGISA	HIGASHIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	HONMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	SAMINAMIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	SAMOTOMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	NASUZUKURI 1~5 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	NASUZUKURIKITAMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	NASUZUKURIHIGASHIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	NASUZUKURIMINAMIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	NISHIKINYA 1,2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	NISHISHODAICHO	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
NISHI	NISHITAMIYACHO	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 2 và 4
	NISHIFUNAHASHI 1,2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần	thứ 2 và 4
	NISHIMAKINO 1~4 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	NOMURAKITAMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 2 và 4
	NOMURANAKAMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
NOMURA	MINAMIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	MOTOMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	HASHIRIDANI 1 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 4 tuần	thứ 2 và 4
	HASHIRIDANI 2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 2 và 4
HIGASHI	HIGASHIKORI 1~3 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 2 và 4
	HIGASHIKORISHINMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 2 và 4
	HIGASHIKORIMINAMIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 2 và 4
	HIGASHIKORIMOTOMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 2 và 4

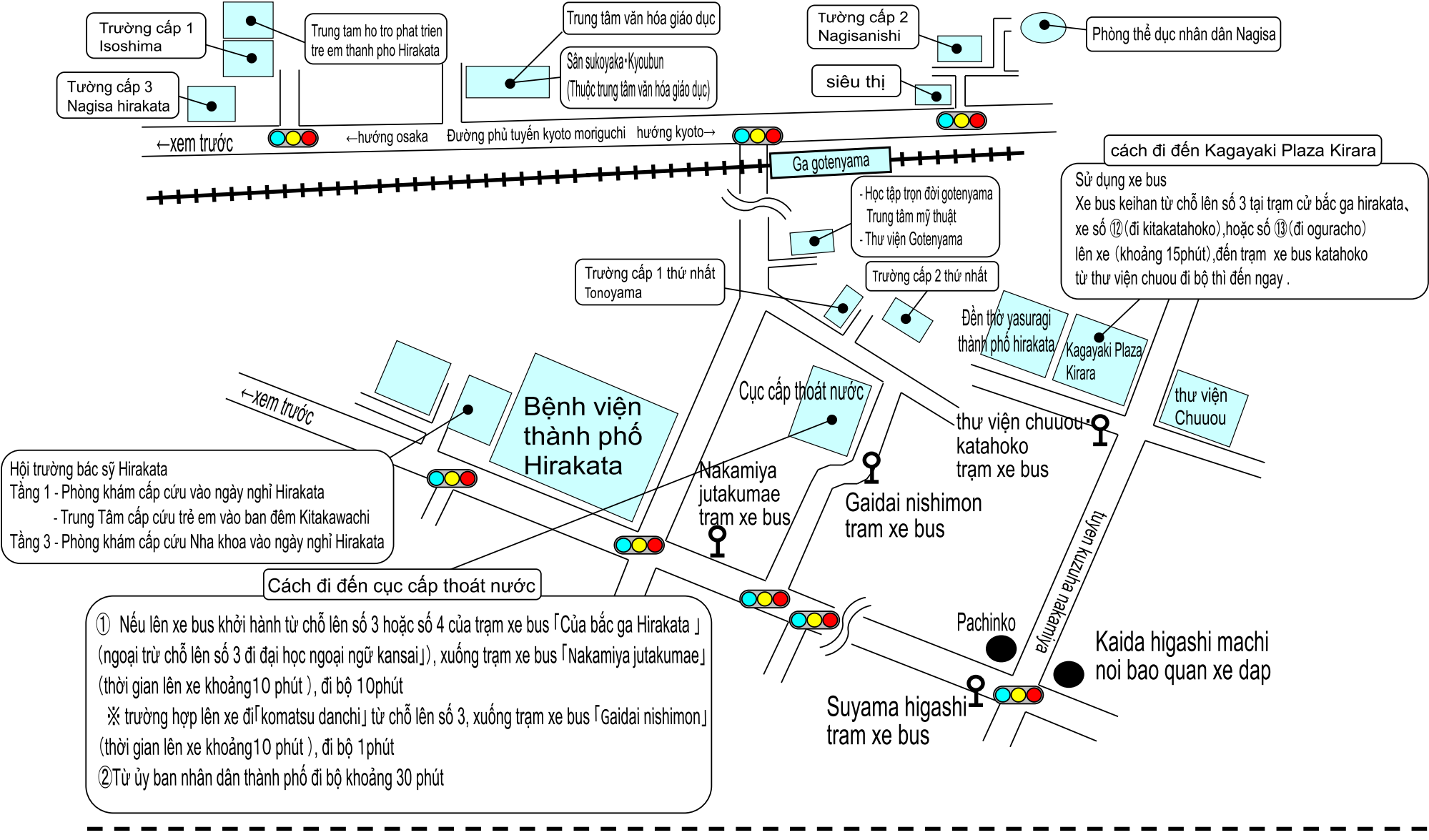
	Tên thị trấn	rác thường	chai nhựa· vỏ đựng bằng nhựa	lon rỗng· chai· thủy tinh các loại	các loại giấy (báo giấy, bìa cứng, tạp chí· giấy vụn)
HI	HIGASHITAMIYA 1 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 2 và 4
	HIGASHITAMIYA 2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
HIGASHI	HIGASHITODACHO	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	HIGASHINAKABURI 1, 2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 4 tuần	thứ 2 và 4
	HIGASHIFUNAHASHI 1, 2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 4	thứ 2 tuần	thứ 1 và 3
	HIGASHIMAKINOCHO	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	HIGASHIYAMA 1, 2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 4	thứ 2 tuần	thứ 1 và 3
	HINOUECHO	thứ 3·thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần	thứ 2 và 4
HIRAKATA	HIMURODAI 1 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	HIRAKATAKAMINOCHO	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 2 và 4
	HIRAKATAKOENCHO	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 2 và 4
	HIRAKATAMOTOMACHI	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 2 và 4
FUJISAKA	FUJISAKAKITAMACHI	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	FUJISAKATENJINCHO	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	FUJISAKANAKAMACHI	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	FUJISAKANISHIMACHI	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	FUJISAKAHIGASHIMACHI 1~4 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	FUJISAKAMINAMIMACHI 1,2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
FUNAHASHI	FUJISAKAMINAMIMACHI 3 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
	FUJISAKAMOTOMACHI 1~3 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	FUNAHASHIHONMACHI 1,2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần	thứ 2 và 4
HOSHIGAOKA	HOSHIGAOKA 1~4 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	HOTANI 1 ~ 4 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3
MAKINO	MAKINOKITAMACHI	thứ 3·thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần	thứ 2 và 4
	MAKINOSAKA 1,2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	MAKINOSAKA 3 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	MAKINOSHIMOJIMACHO	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	MAKINOHONMACHI 1,2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 3	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	MACHIKUZUHA 1,2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần	thứ 2 và 4
MATSUGAOKA	MATSUGAOKACHO	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 1 và 3
	MITSUYACHO	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 2 và 4
MINAMI	MINAMIKUZUHA 1 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 4	thứ 5 tuần	thứ 2 và 4
	MINAMIKUZUHA 2 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 2 và 4
	MINAMINAKABURI 1 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 4 tuần	thứ 2 và 4
	MINAMINAKABURI 2,3 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 4 tuần	thứ 2 và 4
	MINAMIFUNAHASHI 1,2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	MIYAKOGAOKACHO	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 1 và 3
MIYANO	MIYANOSAKA 1~5 CHOME	thứ 3·thứ 6	thứ 5	thứ 2 tuần	thứ 2 và 4
	MIYANOSHITACHO	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 2 và 4
MURANO	MURANOTAKAMIDAI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	MURANONISHIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	MURANOHIGASHIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	MURANOHONMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
MURANO	MINAMIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	MEGURI 1,2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
YABUGAOKA	YABUGAOKA 1,2 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	YABUNISHIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	YABUHIGASHIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	YABUMOTOMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 4	thứ 6 tuần	thứ 1 và 3
	YAMADAIKEKITAMACHI	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	YAMADAIKEKOEN	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	YAMADAIKEHIGASHIMACHI	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	YAMADAIKEMINAMIMACHI	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 5 tuần	thứ 1 và 3
	YAMANOUE 1,4,5 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 2 và 4
	YAMANOUE 2,3 CHOME	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
YAMANOUE	YAMANOUEKITAMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 2 và 4
	YAMANOUEENISHIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 2 và 4
	YAMANOEHIGASHIMACHI	thứ 2·thứ 5	thứ 6	thứ 3 tuần	thứ 1 và 3
	WANI KOEN	thứ 3·thứ 6	thứ 2	thứ 4 tuần	thứ 1 và 3



(Hiện tại ngày 17 tháng 9 năm 2024)
Soạn thảo : Ban quản lý tổng vụ
Bộ phận tổng vụ thành phố Hirakata
Địa chỉ : Hộp thư 573-8666
1-20 khu phố 2 Oogaitocho thành phố Hirakata
Điện thoại : 072-841-1323 (trực tiếp)
: 072-841-1221 (đại diện)

ỦY BAN NHÂN DÂN
BẢN ĐỒ KHU VỰC XUNG QUANH

※ Bản đồ khu vực xung quanh này chỉ đăng lên những cơ quan xung quanh ủy ban nhân dân



Chỉnh sửa và phát hành tháng 11 năm 2024

Ban Giao lưu Du lịch Sở Du lịch náo nhiệt Ủy ban nhân dân thành phố Hirakata

TEL : 072-841-1357

FAX : 072-841-1278